

Bản án số: 178/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Liên.

2. Bà Phạm Kim Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè:** Không tham gia.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 583/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê D, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ông Phạm N, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê D trình bày:***

Bà Lê D và ông Phạm N tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, số giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyền số 01/2009 ngày 15/01/2009.

Quá trình chung sống bà D và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N không quan tâm chăm sóc vợ con, không có việc làm ổn định, thường tụ tập bạn bè ăn nhậu, kinh tế gia đình khó khăn. Bà D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông N vẫn không thay đổi. Từ tháng 5 năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng trở nên

trầm trọng, hai bên gia đình đã cùng hòa giải nhưng không có kết quả, tháng 9 năm 2020 bà D chuyển hẳn về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân đến nay. Bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà D ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Phạm H, sinh ngày 06/02/2009 và Phạm T, sinh ngày 06/5/2017. Bà Lê D trình bày: Thời điểm bà và ông N sống ly thân bà muốn nuôi trẻ T nhưng ông N không cho, khi nào Tòa án giải quyết ly hôn và giao con cho bà D thì bà D được quyền dẫn con theo, hiện nay 02 trẻ ở cùng ông bà nội. Hàng ngày, bà D vẫn chạy từ tỉnh A lên nhà ông N để đưa con đi học, sau đó mới về đi làm. Sau khi ly hôn, bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T giao trẻ H cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định không có.

Toà án triệu tập bị đơn ông Phạm N tham gia phiên Toà vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 26 tháng 4 năm 2021, ông N vắng mặt. Tại phiên toà ngày hôm nay, ông N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét bà Lê D và ông Phạm N kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyền số 01/2009 ngày 15/01/2009 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay bà Lê D yêu cầu ly hôn với ông Phạm N là quan hệ tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Phạm N hiện đang cư trú tại địa chỉ số ấp B, xã H, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn ông Phạm N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[4] Nguyên đơn bà Lê D yêu cầu ly hôn với ông Phạm N do ông N không có trách nhiệm với gia đình, không có việc làm ổn định, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể giải quyết được. Bị đơn ông Phạm N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, từ bỏ quyền lợi của mình, không tham gia hoà giải, chứng tỏ ông N không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ

chồng. Xét, mâu thuẫn vợ chồng mà bà D trình bày là có thật, nay bà D yêu cầu xin ly hôn với ông N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Phạm H, sinh ngày 06/02/2009 và Phạm T, sinh ngày 06/5/2017. Hai con chung đang sinh sống với ông bà nội, xét trẻ T là bé gái, còn nhỏ tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ, nay bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T, giao trẻ H cho ông Nhân trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có nên không có gì giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, 39, 227, 228, 266, 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức D, miễn, giảm, D, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê D:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Lê D được ly hôn với ông Phạm N.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm H, sinh ngày 06/02/2009 cho ông Phạm N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung tên Phạm T sinh ngày 06/5/2017 cho bà Lê D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, nếu có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có gì giải quyết.

2. Về án phí: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Lê D có nghĩa vụ phải nộp được căn trừ vào biên lai số 0073222 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè. Bà Lê D đã nộp đủ án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bà Lê D và kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với ông Phạm N.

**Nơi nhận:**

- TANDTP-VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Trung Tính**